

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HOÀNG TÂN**



STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I.	LĨNH VỰC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH (41 TTHC)	
	Lĩnh vực hòa giải cơ sở (Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 02/10/2018)	
1.	Thủ tục công nhận hòa giải viên	
2.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
3.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	
4.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
5.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi HGV gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	
	Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật (Quyết định 1133/QĐ-UBND ngày 16/4/2018)	
6.	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	
7.	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	
	Lĩnh vực hộ tịch (Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 01/9/2017)	
8.	Thủ tục đăng ký khai sinh	
9.	Thủ tục đăng ký kết hôn	
10.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
11.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	
12.	Thủ tục đăng ký khai tử	
13.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
14.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
15.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
16.	Thủ tục đăng ký giám hộ	
17.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
18.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
19.	Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
20.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
21.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
22.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
23.	Thủ tục đăng ký lại khai tử	
24.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	



25.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
26.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
	Lĩnh vực chứng thực (Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 02/10/2018)	
27.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	
28.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
29.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
30.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
31.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
32.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
33.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
34.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
35.	Thủ tục chứng thực di chúc	
36.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
37.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
38.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
	Lĩnh vực nuôi con nuôi (Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 01/9/2017)	
39.	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	
40.	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
	Lĩnh vực bồi thường nhà nước (Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 02/10/2018)	
41.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	
II.	LĨNH VỰC NỘI VỤ (Quyết định số 4369/QĐ-UBND ngày 27/11/2018)	
	Lĩnh vực QLNN về tôn giáo (10 TTHC)	
42.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	
43.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	
44.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	
45.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	

46.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
47.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
48.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
49.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
50.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
51.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng (05 TTHC)	
52.	Giấy khen của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	
53.	Giấy khen của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã về thành tích thi đua khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề	
54.	Giấy khen của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã về thành tích đợt xuất	
55.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	
56.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
III.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC) <i>Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2019</i>	
57.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
58.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
59.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại	
60.	Sát nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
61.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	QĐ 4367/QĐ-UBND ngày 27/11/2018
IV.	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (11 TTHC) <i>(Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 30/6/2015)</i>	
	Lĩnh vực đường bộ (02)	
62.	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	
63.	Thủ tục gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời phần hè phố để tổ chức đám cưới và điểm trông giữ xe phục vụ đám cưới	
	Lĩnh vực đường thủy nội địa (09)	
64.	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	



65.	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
66.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
67.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
68.	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
69.	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
70.	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
71.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
72.	Thủ tục Xóa đăng ký phương tiện	
V.	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH & XÃ HỘI (42 TTHC) <i>Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016</i> <i>Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 04/11/2017</i> <i>Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018</i> <i>Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 26/7/2019</i>	
	THẨM QUYỀN CẤP XÃ (12)	
	Lĩnh vực Người có công	
73.	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	
74.	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
75.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	
76.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
77.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
78.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	
79.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	

80.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
	Phòng, chống tệ nạn xã hội	
81.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	
82.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
83.	Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	
84.	Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	
	THẨM QUYỀN LIÊN THÔNG	
	Các TTHC UBND cấp xã phối hợp với Phòng LĐTB&XH huyện (8)	
	Lĩnh vực BTXH	
85.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	
86.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
87.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
88.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả đối tượng NKT đặc biệt nặng)	
89.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
90.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	
91.	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	
	Lĩnh vực PCTNXH	
92.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	
	Các TTHC UBND cấp xã phối hợp với huyện, Sở LĐTB&XH (22)	
93.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
94.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	
95.	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	
96.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	
97.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	

98.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
99.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	
100.	Giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
101.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
102.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
103.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
104.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	
105.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
106.	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
107.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
108.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
109.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	
110.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	
111.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
112.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
113.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
114.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
VI.	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO (06 TTHC) <i>Quyết định số 4306/QĐ-UBND ngày 20/11/2018</i> <i>Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 25/5/2017</i>	
	Lĩnh vực văn hóa (5)	

115.	Công nhận gia đình văn hóa	
116.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn ngân sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	
117.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	
118.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	
119.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	
	Lĩnh vực thể thao (1)	
120.	Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	
VII.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (10 TTHC)	
	Lĩnh vực Nông nghiệp & PTNT (01) Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	
121.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	
	Lĩnh vực thủy lợi (03)	
122.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 26/7/2019
123.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
124.	Thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2018
	Lĩnh vực kiểm lâm, lâm nghiệp (6TTHC) QĐ số 657/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 QĐ 3734 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017) QĐ 2572/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	
125.	Thủ tục Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	
126.	Thủ tục Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	
127.	Thủ tục cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	
128.	Thủ tục Phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại	
129.	Thủ tục Đăng ký khai thác rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ	
130.	Thủ tục Đăng ký Khai thác tận dụng những cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh đối với rừng trồng do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ	
VIII	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI - MÔI TRƯỜNG (06 TTHC) Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 24/8/2018)	

	Lĩnh vực đất đai	
131.	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	
	Lĩnh vực Môi trường	
132.	Thủ tục xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (khi được ủy quyền)	
133.	Thủ tục xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản (khi được ủy quyền)	
134.	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường	
135.	Tham vấn Đề án bảo vệ môi trường chi tiết	
136.	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	
IX.	LĨNH VỰC THANH TRA (09 TTHC) Số: 1888/QĐ-UBND Hải Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2018	
137.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	
138.	Thủ tục giải quyết tố cáo	
139.	Thủ tục tiếp công dân	
140.	Thủ tục xử lý đơn thư	
141.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	
142.	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	
143.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	
144.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	
145.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	
X.	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, KẾ HOẠCH (02 TTHC) Quyết định số 4368/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 04/12/2017	
	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
146.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	
147.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
	Lĩnh vực bảo hiểm (Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 16/10/2019)	
148.	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	